

Số : 702 /QĐ-ĐKVN

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức
CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 2836/QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Căn cứ Báo cáo số 11/BC-HĐXTVC ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng xét tuyển viên chức Cục Đăng kiểm Việt Nam về báo cáo kết quả kiểm tra, sát hạch viên chức vòng 2 của thí sinh dự thi vào các đơn vị trực thuộc Cục;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 98 thí sinh (có danh sách kèm theo) đã trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức vào các đơn vị trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.



Nguyễn Chiến Thắng

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN

(kèm theo Quyết định số 702/QĐ-ĐKVN ngày 04/5/2023 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam)

| TT | Tên đơn vị dự tuyển | TT | Người dự thi | Ngày sinh | Vị trí dự tuyển | Điểm | Kết quả |
|----|---|----|----------------------|------------|--|------|-------------|
| 1. | Trung tâm Thử nghiệm xe cơ giới | 1. | Nguyễn Văn Tuấn | 28/7/1991 | Vị trí: Đăng kiểm viên thử nghiệm an toàn phương tiện và thiết bị - VC.001 | 90,5 | Trúng tuyển |
| | | 2. | Đỗ Trường Thông | 18/02/1996 | Vị trí: Đăng kiểm viên thử nghiệm an toàn phương tiện và thiết bị - VC.001 | 83,5 | Trúng tuyển |
| | | 3. | Vũ Minh Hiếu | 14/3/1998 | Vị trí: Đăng kiểm viên thử nghiệm an toàn phương tiện và thiết bị - VC.001 | 85 | Trúng tuyển |
| | | 4. | Nguyễn Văn Thanh | 22/3/1999 | Vị trí: Đăng kiểm viên thử nghiệm an toàn phương tiện và thiết bị - VC.001 | 90,5 | Trúng tuyển |
| | | 5. | Phan Thị Lưu Hoa | 12/8/1982 | Vị trí: Nhân viên nghiệp vụ - VC.002 | 84,5 | Trúng tuyển |
| 2. | Trung tâm Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và an toàn | 1. | Nguyễn Thị Khánh Chi | 14/4/1977 | Vị trí: Nhân viên nghiệp vụ - VC.003 | 82,5 | Trúng tuyển |
| | | 2. | Nguyễn Thành Đạt | 02/01/1999 | Vị trí: Nhân viên nghiệp vụ - VC.003 | 89 | Trúng tuyển |
| 3. | Chi cục Đăng kiểm số 1 | 1. | Lê Nguyên Minh | 01/3/1982 | Vị trí: Nhân viên nghiệp vụ - VC.004 | 78,5 | Trúng tuyển |
| | | 2. | Mai Châu Nghĩa | 11/12/1989 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu) – VC.005 | 71,5 | Trúng tuyển |
| | | 3. | Trần Đại Hành | 15/9/1990 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu) – VC.006 | 78 | Trúng tuyển |
| | | 4. | Nguyễn Văn Dũng | 07/4/1988 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu) – VC.006 | 76 | Trúng tuyển |
| 4. | Chi cục Đăng kiểm số 2 | 1. | Cao Xuân Bắc | 17/9/2000 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu) – VC.007 | 82 | Trúng tuyển |



| TT | Tên đơn vị dự tuyển | TT | Người dự thi | Ngày sinh | Vị trí dự tuyển | Điểm | Kết quả |
|----|------------------------|----|---------------------|------------|--|------|-------------|
| | | 2. | Nguyễn Thế Vỹ | 15/6/1994 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu) – VC.008 | 71,5 | Trúng tuyển |
| 5. | Chi cục Đăng kiểm số 4 | 1. | Hoàng Hữu Tinh | 05/01/1987 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu) – VC.009 | 79 | Trúng tuyển |
| | | 2. | Huỳnh Đức Phúc | 01/01/1998 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu) – VC.009 | 70,5 | Trúng tuyển |
| | | 3. | Lê Thanh Long | 28/06/1998 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu) – VC.010 | 56,5 | Trúng tuyển |
| | | 4. | Phan Tuấn Anh | 05/9/1997 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu) – VC.010 | 60 | Trúng tuyển |
| | | 5. | Nguyễn Thị Thùy Vân | 26/8/1998 | Vị trí: Nhân viên nghiệp vụ - VC.011 | 85,5 | Trúng tuyển |
| 6. | Chi cục Đăng kiểm số 5 | 1. | Trần Ngọc Anh | 30/5/1978 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu) – VC.012 | 79,5 | Trúng tuyển |
| | | 2. | Đặng Thanh Cảnh | 08/9/1989 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu) – VC.013 | 85 | Trúng tuyển |
| | | 3. | Trần Đức Hạnh | 09/11/2000 | Vị trí: Kế toán viên – VC.014 | 91,5 | Trúng tuyển |
| | | 4. | Nguyễn Thanh Trúc | 10/9/1999 | Vị trí: Nhân viên nghiệp vụ - VC.015 | 84 | Trúng tuyển |
| 7. | Chi cục Đăng kiểm số 6 | 1. | Hoàng Văn Hải | 28/01/1999 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu) – VC.016 | 72,5 | Trúng tuyển |
| | | 2. | Lê Văn Ngọc | 19/01/1997 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu) – VC.016 | 72 | Trúng tuyển |
| | | 3. | Huỳnh Hoài Phúc | 02/4/1999 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu) – VC.016 | 70 | Trúng tuyển |
| | | 4. | Trần Hoàng Đông | 30/8/1996 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu) – VC.016 | 70,5 | Trúng tuyển |

| TT | Tên đơn vị dự tuyển | TT | Người dự thi | Ngày sinh | Vị trí dự tuyển | Điểm | Kết quả |
|-----|-------------------------|----|----------------------|------------|--|------|-------------|
| | | 5. | Nguyễn Quang Hiếu | 07/01/1985 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu) – VC.017 | 71 | Trúng tuyển |
| | | 6. | Luong Văn Tài | 15/9/1995 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu) – VC.017 | 87 | Trúng tuyển |
| | | 7. | Huỳnh Công Minh | 24/4/1985 | Vị trí: Nhân viên nghiệp vụ - VC.018 | 66 | Trúng tuyển |
| 8. | Chi cục Đăng kiểm số 8 | 1. | Nguyễn Văn Toàn | 01/5/1997 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu) – VC.020 | 76 | Trúng tuyển |
| | | 2. | Nguyễn Thị Mai Hương | 16/01/1992 | Vị trí: Nhân viên nghiệp vụ - VC.021 | 78 | Trúng tuyển |
| 9. | Chi cục Đăng kiểm số 9 | 1. | Phạm Văn Hiếu | 10/3/1986 | Vị trí: Đăng kiểm viên tàu biển – VC.022 | 66 | Trúng tuyển |
| | | 2. | Nguyễn Đình Đức | 05/8/1995 | Vị trí: Đăng kiểm viên tàu biển – VC.022 | 69 | Trúng tuyển |
| | | 3. | Hồ Quang Hiệp | 20/12/1987 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu) – VC.023 | 78 | Trúng tuyển |
| | | 4. | Nguyễn Văn Xuân | 10/9/1983 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu) – VC.024 | 76,5 | Trúng tuyển |
| | | 5. | Vũ Nguyễn Thanh Hằng | 08/01/1994 | Vị trí: Nhân viên nghiệp vụ – VC.025 | 63 | Trúng tuyển |
| 10. | Chi cục Đăng kiểm số 11 | 1. | Đào Thị Thu Hà | 10/08/1992 | Vị trí: Nhân viên nghiệp vụ – VC.028 | 81 | Trúng tuyển |
| 11. | Chi cục Đăng kiểm số 12 | 1. | Vũ Kim Quyên | 11/05/1989 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu) – VC.029 | 100 | Trúng tuyển |
| | | 2. | Trương Đức Mạnh | 08/10/1991 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu) – VC.029 | 99 | Trúng tuyển |
| | | 3. | Lê Đức Bình | 30/5/1992 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu) – VC.030 | 84 | Trúng tuyển |

| TT | Tên đơn vị dự tuyển | TT | Người dự thi | Ngày sinh | Vị trí dự tuyển | Điểm | Kết quả |
|-----|----------------------------|----|--------------------|------------|--|------|-------------|
| | | 4. | Đoàn Vũ Ngọc Linh | 30/5/1999 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu) – VC.030 | 61,5 | Trúng tuyển |
| 12. | Chi cục Đăng kiểm số 15 | 1. | Nguyễn Trung Hải | 13/01/2000 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu) – VC.031 | 80,5 | Trúng tuyển |
| | | 2. | Đào Việt Trung | 05/10/1991 | Vị trí: Kế toán viên – VC.032 | 93,5 | Trúng tuyển |
| | | 3. | Nguyễn Tiến Duy | 04/03/1999 | Vị trí: Nhân viên nghiệp vụ – VC.033 | 82,5 | Trúng tuyển |
| 13. | Chi cục Đăng kiểm số 16 | 1. | Nguyễn Văn Bảo | 06/9/1985 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu) – VC.034 | 65,5 | Trúng tuyển |
| | | 2. | Trần Vũ Phương | 15/6/1989 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.036 | 64 | Trúng tuyển |
| | | 3. | Dương Nhật Bản | 21/8/1999 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.036 | 70 | Trúng tuyển |
| 14. | Chi cục Đăng kiểm số 18 | 1. | Nguyễn Tiến Vinh | 18/4/1999 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu) – VC.040 | 94,5 | Trúng tuyển |
| | | 2. | Phạm Minh Thiện | 22/9/1993 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu) – VC.040 | 95 | Trúng tuyển |
| | | 3. | Nguyễn Đăng Sang | 20/12/1996 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu) – VC.041 | 54 | Trúng tuyển |
| 15. | Chi cục Đăng kiểm Hải Hưng | 1. | Nguyễn Quang Phong | 17/10/1996 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu) – VC.043 | 82 | Trúng tuyển |
| 16. | Chi cục Đăng kiểm An Giang | 1. | Khuong Bảo Thọ | 28/11/1981 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu) – VC.044 | 83 | Trúng tuyển |
| | | 2. | Bùi Xuân Toàn | 12/05/1979 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu) – VC.044 | 84 | Trúng tuyển |
| | | 3. | Trần Anh Tú | 16/02/1997 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu) – VC.045 | 56 | Trúng tuyển |

| TT | Tên đơn vị dự tuyển | TT | Người dự thi | Ngày sinh | Vị trí dự tuyển | Điểm | Kết quả |
|-----|---|----|-------------------------|------------|--|------|-------------|
| | | 4. | Phan Thanh Nam | 30/11/1993 | Vị trí: Nhân viên nghiệp vụ – VC.046 | 75 | Trúng tuyển |
| 17. | Chi cục Đăng kiểm Kiên Giang | 1. | Lý Thị Mỹ Gương | 04/6/1979 | Vị trí: Nhân viên nghiệp vụ – VC.047 | 81,5 | Trúng tuyển |
| 18. | Chi cục Đăng kiểm Long An | 1. | Nghiêm Vũ Việt Hoàng | 25/04/1998 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu) – VC.048 | 89,5 | Trúng tuyển |
| | | 2. | Trần Anh Khang | 24/8/1983 | Vị trí: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu) – VC.048 | 93 | Trúng tuyển |
| 19. | Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới số 29-01V | 1. | Phùng Quang Thái | 12/9/1996 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.051 | 60 | Trúng tuyển |
| | | 2. | Phạm Văn Duy | 26/9/1993 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.051 | 62,5 | Trúng tuyển |
| | | 3. | Trần Minh Châu | 23/10/1991 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.051 | 70 | Trúng tuyển |
| | | 4. | Nguyễn Xuân Ngọc | 01/10/1981 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.051 | 67,5 | Trúng tuyển |
| | | 5. | Hoàng Đức Thiện | 10/06/1996 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.051 | 80 | Trúng tuyển |
| | | 6. | Đổng Đức Chính | 31/10/1998 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.051 | 58 | Trúng tuyển |
| | | 7. | Nguyễn Bá Thành Vinh | 05/01/2000 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.051 | 61,5 | Trúng tuyển |
| | | 8. | Trần Văn Hải | 28/4/1978 | Vị trí: Nhân viên nghiệp vụ – VC.052 | 86,5 | Trúng tuyển |
| 20. | Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới số 29-02V | 1. | Nguyễn Ngọc Kiên | 16/11/1993 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.053 | 54 | Trúng tuyển |
| | | 2. | Lê Mạnh Hiếu | 19/02/1998 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.053 | 73 | Trúng tuyển |

| TT | Tên đơn vị dự tuyển | TT | Người dự thi | Ngày sinh | Vị trí dự tuyển | Điểm | Kết quả |
|-----|---|----|------------------|------------|--|------|-------------|
| | | 3. | Nguyễn Văn Thoan | 28/6/2000 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.053 | 54,5 | Trúng tuyển |
| | | 4. | Đỗ Ngọc Sơn | 02/10/1998 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.053 | 59,5 | Trúng tuyển |
| | | 5. | Đặng Tuấn Anh | 12/7/1994 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.053 | 72,5 | Trúng tuyển |
| | | 6. | Nguyễn Văn Tài | 23/08/1988 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.053 | 72 | Trúng tuyển |
| | | 7. | Phạm Văn Dương | 16/01/1994 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.053 | 52,5 | Trúng tuyển |
| 21. | Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới số 29-03V | 1. | Phạm Thanh Tùng | 10/6/1996 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.054 | 70 | Trúng tuyển |
| 22. | Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới số 29-04V | 1. | Phạm Minh Phương | 10/3/1984 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.055 | 57,5 | Trúng tuyển |
| 23. | Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới số 29-05V | 1. | Nguyễn Chu Thoan | 20/5/1991 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.056 | 77 | Trúng tuyển |
| 24. | Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới số 29-06V | 1. | Đặng Xuân Huy | 19/5/1989 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.057 | 67,5 | Trúng tuyển |
| | | 2. | Nguyễn Minh Tuấn | 02/10/1986 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.057 | 52 | Trúng tuyển |
| | | 3. | Lê Tuấn Anh | 26/3/1997 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.057 | 64,5 | Trúng tuyển |
| | | 4. | Nguyễn Quốc Kỳ | 18/3/1997 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.057 | 60 | Trúng tuyển |
| | | 5. | Nguyễn Mạnh Tuấn | 09/6/2000 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.057 | 80 | Trúng tuyển |

| TT | Tên đơn vị dự tuyển | TT | Người dự thi | Ngày sinh | Vị trí dự tuyển | Điểm | Kết quả |
|-----|--|----|-------------------|------------|--|------|-------------|
| | | 6. | Hoàng Văn Quân | 02/3/1987 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.057 | 73 | Trúng tuyển |
| | | 7. | Trần Minh Hưng | 26/11/1996 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.057 | 74 | Trúng tuyển |
| 25. | Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới số 50-03V | 1. | Ngô Đình Đức | 20/9/1994 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.058 | 73,5 | Trúng tuyển |
| | | 2. | Nguyễn Đình Nhật | 30/4/2000 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.058 | 77,5 | Trúng tuyển |
| | | 3. | Nguyễn Thành Công | 12/4/1984 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.058 | 70 | Trúng tuyển |
| 26. | Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới số 50-05V | 1. | Nguyễn Ngọc Hương | 10/8/1991 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.060 | 83 | Trúng tuyển |
| | | 2. | Thái Phương Hùng | 14/9/1984 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.060 | 56 | Trúng tuyển |
| | | 3. | Ngô Quang Huy | 28/4/1998 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.060 | 71,5 | Trúng tuyển |
| | | 4. | Lê Văn Phương | 27/3/1983 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.060 | 72,5 | Trúng tuyển |
| | | 5. | Vũ Xuân Nam | 21/02/1995 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.060 | 69 | Trúng tuyển |
| | | 6. | Nguyễn Trần Phú | 07/8/1996 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.060 | 69,5 | Trúng tuyển |
| | | 7. | Võ Hồng Phát | 30/05/1999 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.060 | 61 | Trúng tuyển |
| | | 8. | Lâm Minh Quang | 04/01/1988 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.060 | 65 | Trúng tuyển |

| TT | Tên đơn vị dự tuyển | TT | Người dự thi | Ngày sinh | Vị trí dự tuyển | Điểm | Kết quả |
|-----|--|----|--------------------|------------|--|------|-------------|
| 27. | Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới số 50-07V | 1. | Nguyễn Quang Thịnh | 24/02/1998 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.061 | 76,5 | Trúng tuyển |
| | | 2. | Lê Văn Nhật | 18/09/1997 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.061 | 73,5 | Trúng tuyển |
| | | 3. | Phạm Trần Nhật Duy | 11/08/1995 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.061 | 68,5 | Trúng tuyển |
| | | 4. | Nguyễn Văn Tài | 20/09/1982 | Vị trí: Đăng kiểm viên xe cơ giới – VC.061 | 76,5 | Trúng tuyển |

Tổng số có 98 thí sinh trúng tuyển ./.

ĐB

